

QUYẾT ĐỊNH

V/v Ban hành Chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ
ngành Quản trị kinh doanh theo định hướng ứng dụng
của Trường ĐH Tài chính – Ngân hàng Hà Nội

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG HÀ NỘI

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/06/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung của một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/08/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ Thạc sĩ;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/06/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 25/2017/TT – BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ Thạc sĩ, Tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 190/QĐ-ĐHTNH-SĐH ngày 15/10/2021 của Hiệu trưởng Trường ĐH Tài chính – Ngân hàng HN về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và định đào tạo trình độ Thạc sĩ tại Trường ĐH Tài chính – Ngân hàng Hà Nội;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo ngày 28/10/2021;

Xét đề nghị của các Ông/Bà Viện trưởng Viện Sau Đại học, Viện Quản trị kinh doanh:

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ ngành Tài chính – Ngân hàng theo định hướng ứng dụng, mã ngành: 8340101 của Trường Đại học Tài chính – Ngân hàng Hà Nội (Có Bản mô tả CTĐT, Chương trình dạy học, Đề cương chi tiết kèm theo).

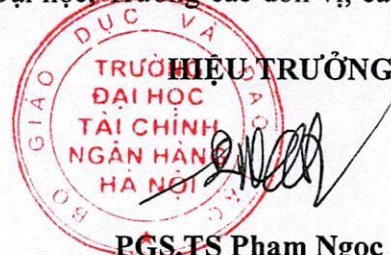
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chương trình được áp dụng đối với học viên cao học từ khóa 6 - năm 2021.

Điều 3. Các Ông/Bà Viện trưởng Viện Sau Đại học, Trưởng các đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Hội đồng KH & ĐT;
- Lưu: VT, SDH, QTKD.

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH
NGÂN HÀNG
HÀ NỘI



PGS.TS Phạm Ngọc Ánh

**CHUẨN ĐẦU RA VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH THEO ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 218/QĐ-ĐHTNH ngày 29 tháng 10 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Ngân hàng Hà Nội)*

Tên chương trình đào tạo (tiếng Việt): Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Tên chương trình đào tạo (tiếng Anh): Master of Business Administration

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

Định hướng: Ứng dụng

Ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh

Mã ngành: 8340101

Thời gian đào tạo: 18 – 24 tháng

Hình thức đào tạo: Chính quy

1. TRIẾT LÝ ĐÀO TẠO

- Triết lý đào tạo của Nhà trường:

“Thực tiễn là tiêu chuẩn kiểm định chất lượng

Thái độ đúng mực, kiến thức sâu rộng, kỹ năng đa dạng”

Slogan: “Điểm tựa tri thức, đột phá thành công, khai phóng sáng tạo”

Triết lý giáo dục của Trường Đại học Tài chính - Ngân hàng Hà Nội là các quan điểm cốt lõi định hướng cho mục tiêu giáo dục, nội dung và phương pháp dạy học, vai trò của giảng viên và người học trong hoạt động giáo dục. Xuất phát từ quan điểm “*Học đi đôi với hành*” là nguyên tắc quan trọng trong hoạt động đào tạo, nhất là khối ngành tài chính - ngân hàng. Trường luôn coi trọng các kiến thức thực tiễn trong giảng dạy, thực hành cho phù hợp với xu hướng phát triển của khoa học công nghệ (KH-CN) và xu hướng hội nhập quốc tế.

- Triết lý đào tạo riêng của CTĐT: như trên

2. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh theo định hướng ứng dụng nhằm cung cấp cho người học các kiến thức chuyên sâu về quản trị kinh doanh và rèn luyện các kỹ

năng quản trị một cách thành thực, vận dụng các kiến thức và kỹ năng quản trị để giải quyết hiệu quả các vấn đề của thực tiễn kinh doanh trong điều kiện môi trường kinh doanh đa dạng, phức tạp và hội nhập quốc tế; giúp người học có điều kiện trở thành các doanh nhân, nhà quản trị chuyên nghiệp trong tổ chức/doanh nghiệp. Đồng thời, tạo nền tảng để người học có khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu ở trình độ bậc cao hơn

2.2. Mục tiêu cụ thể

CTĐT trình độ thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh theo định hướng ứng dụng hướng tới các mục tiêu cụ thể sau:

PSO1: Cung cấp cho người học các kiến thức chung, kiến thức cơ sở ngành nâng cao về các lĩnh vực liên quan đến quản trị kinh doanh như pháp luật, kế toán, văn hóa và đạo đức kinh doanh.. để có cái nhìn toàn diện về môi trường kinh doanh và phát hiện ra các vấn đề, tình huống phát sinh trong thực tiễn kinh doanh.

PSO2: Cập nhật và mở rộng cho người học các kiến thức chuyên sâu về quản trị kinh doanh để có thể vận dụng các kiến thức quản trị kinh doanh nhằm giải quyết hiệu quả các tình huống thực tiễn trong tổ chức.

PSO3: Phát triển kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá đối với các vấn đề thực tiễn của kinh doanh, quản trị để tìm ra các giải pháp xử lý một cách khoa học đặc biệt là những vấn đề về quản trị doanh nghiệp trong môi trường kinh doanh quốc tế.

PSO4: Nâng cao kỹ năng giải quyết các vấn đề, xử lý các tình huống quản trị và kinh doanh, kỹ năng lãnh đạo, ra quyết định quản trị; Có khả năng truyền đạt thông tin hiệu quả, thuyết trình, thuyết phục, quản trị nhóm hiệu quả.

PSO5: Tích hợp kiến thức ngoại ngữ chuyên ngành để học viên có thể sử dụng thành thạo trong hoạt động quản trị kinh doanh.

PSO6: Rèn luyện cho người học có phẩm chất chính trị tốt, có bản lĩnh nghề nghiệp vững vàng, thái độ khách quan, khoa học và trung thực, có tinh thần trách nhiệm cao đối với công việc và cuộc sống.

PSO7: Tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, tự chủ trong các hoạt động, có năng lực phát huy trí tuệ tập thể trong quản lý và hoạt động chuyên môn; có khả năng nắm bắt các cơ hội kinh doanh và tạo lập doanh nghiệp.

PSO8: Tuân thủ chấp hành tốt chính sách, pháp luật của Nhà nước, có ý thức cộng đồng và trách nhiệm công dân.

3. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1. Về kiến thức

PLO1.1: Phân tích và triển khai được các kiến thức nâng cao về kinh tế, quản lý, pháp luật trong nghiên cứu và thực hành quản trị kinh doanh.

PLO1.2: Tổng hợp các kiến thức chuyên sâu về quản trị kinh doanh như quản trị các nguồn lực và quản trị các hoạt động tác nghiệp... vào thực tiễn doanh nghiệp/tổ chức để phân tích, đưa ra các quyết định quản trị đúng đắn.

PLO1.3: Tổng hợp tốt được kiến thức liên ngành để nhận diện các cơ hội kinh doanh, đánh giá kết quả hoạt động doanh nghiệp, đưa ra các quyết định chiến lược cho doanh nghiệp.

3.2. Về kỹ năng

PLO2.1: Áp dụng thành thạo và linh hoạt các kỹ năng chuyên môn như phân tích, hoạch định, triển khai, đánh giá chiến lược kinh doanh và kế hoạch tác nghiệp để giải quyết các tình huống thực tiễn trong kinh doanh.

PLO2.2: Phân tích, đánh giá và dự báo có luận cứ khoa học về những thay đổi của môi trường hoạt động kinh doanh từ đó đưa ra các quyết định quản trị đúng đắn cho chiến lược phát triển doanh nghiệp trong dài hạn.

PLO2.3: Thể hiện thuần thục kỹ năng tư duy độc lập và hệ thống nhằm nhận diện và giải quyết các vấn đề liên quan tới quản trị kinh doanh trong thực tiễn để phát triển và thử nghiệm những giải pháp mới trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.

PLO2.4: Áp dụng thành thạo các kỹ năng giao tiếp, truyền đạt, thuyết trình, lãnh đạo, đàm phán, xây dựng và quản trị các nhóm làm việc, tham gia làm việc nhóm hiệu quả.

PLO2.5: Sử dụng tiếng Anh lưu loát, thành thạo trong thực hành các công việc chuyên môn quản trị kinh doanh, Đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam (hoặc tương đương trở lên)

3.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

PLO3.1: Xây dựng và phát triển khả năng tự chủ, độc lập, sáng tạo trong quá trình làm việc ở các tổ chức.

PLO3.2: Xây dựng phẩm chất đạo đức đáp ứng các chuẩn mực đạo đức của nhà quản trị doanh nghiệp, có tác phong làm việc khoa học, thái độ làm việc đúng mực, gương mẫu chấp hành quy chế làm việc của tổ chức.

PLO3.3: Tuân thủ pháp luật, nghiêm túc và có tinh thần trách nhiệm trong các hoạt động của cộng đồng với tư cách là công dân trong xã hội, là thành viên của cộng đồng nghiên cứu, cộng đồng kinh doanh

4. CHUẨN ĐẦU VÀO

Công dân Việt Nam và người nước ngoài có nguyện vọng dự tuyển vào Trường Đại học Tài chính-Ngân hàng Hà Nội theo học trình độ Thạc sĩ đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn theo Quy chế hiện hành về tuyển sinh và đào tạo trình độ Thạc sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành tại Trường Đại học Tài chính – Ngân hàng Hà Nội.

5. KHẢ NĂNG HỌC TẬP, NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ VÀ PHÁT TRIỂN NGHỀ NGHIỆP SAU KHI TỐT NGHIỆP

5.1. Cơ hội phát triển nghề nghiệp

- Các vị trí công tác có khả năng làm việc phù hợp và tốt:

- + Nhà quản trị các cấp, cố vấn kinh doanh trong doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế – xã hội khác nhau;
- + Giảng viên, nghiên cứu viên về quản trị kinh doanh ở các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu;
- + Tự khởi sự kinh doanh

- Các loại hình tổ chức, doanh nghiệp có cơ hội làm việc phù hợp:

- + Doanh nghiệp các ngành, lĩnh vực kinh doanh thuộc các loại hình sở hữu nhà nước, tư nhân, tập thể, vốn đầu tư nước ngoài...;
- + Tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn và triển khai về quản trị kinh doanh
- + Các loại hình cơ sở đào tạo

5.2. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau tốt nghiệp

Trên nền tảng các kiến thức và kỹ năng đã được trang bị, các học viên sau khi tốt nghiệp có khả năng:

- Người học có bằng Thạc sĩ có thể tiếp tục học tập lên bậc học tiến sĩ ở các trường đại học trong nước và nước ngoài.
- Tự nghiên cứu, học tập và bổ sung các tri thức và kỹ năng còn thiếu nhằm đáp ứng với yêu cầu của vị trí công tác và quy hoạch phát triển nhân sự ở đơn vị công tác;

6. KHỐI LƯỢNG, CẤU TRÚC, NỘI DUNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA

6.1. Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 60 tín chỉ

6.2. Cấu trúc chương trình:

	Số học phần	Số tín chỉ
Kiến thức chung:	4	10
Kiến thức cơ sở ngành:	5	10
Kiến thức bắt buộc	4	8
Kiến thức tự chọn	1	2
Kiến thức chuyên ngành:	10	25
Kiến thức bắt buộc:	7	17
Kiến thức tự chọn:	3	8
Thực tập	1	7
Đề án tốt nghiệp:	1	8
Tổng cộng	21	60

6.3. Nội dung chương trình

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
I		KIẾN THỨC CHUNG (4 học phần)	10	
1	SCB.03.01	Triết học nâng cao	4	Khoa cơ bản
2	STA.04.01	Tiếng Anh 1 chuyên ngành	2	Khoa Ngoại ngữ
3	STA.04.02	Tiếng Anh 2 chuyên ngành	2	Khoa Ngoại ngữ
4	SQK.02.01	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	2	Viện QTKD
II		KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH (5 học phần)	10	
2.1		HỌC PHẦN BẮT BUỘC (4 Học phần)	8	
5	SCB.02.01	Kinh tế học quản lý	2	Khoa Cơ bản
6	SQK.01.01	Văn hóa và đạo đức kinh doanh	2	Viện QTKD
7	SLKT.03.01	Pháp luật kinh tế nâng cao	2	Viện PLKT
8	SKT.01.01	Nguyên lý kế toán nâng cao	2	Viện KTKT
2.2		HỌC PHẦN TỰ CHỌN (1 học phần)	2	
		<i>Chọn 1 trong 4 học phần sau:</i>		
9	SQK.02.04	Quản trị thương hiệu nâng cao	2	Viện QTKD
10	SQK.02.05	Hệ thống thông tin quản trị nâng cao	2	Viện QTKD

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
11	SQK.02.13	Các lý thuyết quản trị hiện đại	2	Viện QTKD
12	SQK.02.14	Quản trị hiệu quả	2	Viện QTKD
III		KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH (10 học phần)	25	
3.1		HỌC PHẦN BẮT BUỘC (7 học phần)	18	
13	SQK.01.03	Quản trị Marketing nâng cao	2	Viện QTKD
14	STN.01.02	Quản trị Ngân hàng thương mại nâng cao	3	Viện TCNH
15	SQK.02.02	Quản trị chiến lược nâng cao	3	Viện QTKD
16	SQK.02.06	Quản trị nguồn nhân lực nâng cao	3	Viện QTKD
17	STN.02.03	Quản trị tài chính nâng cao	3	Viện TCNH
18	SQK.02.08	Quản trị đổi mới và sáng tạo	2	Viện QTKD
19	SQK.02.09	Xây dựng năng lực lãnh đạo quản trị	2	Viện QTKD
3.2		HỌC PHẦN TỰ CHỌN (3 học phần)	7	
		<i>Chọn 1 trong 3 học phần sau:</i>		
20	SQK.02.03	Quản trị dự án đầu tư nâng cao	3	Viện QTKD
21	SQK.02.07	Quản trị doanh nghiệp thương mại	3	Viện QTKD
22	SQK.02.16	Quản trị sản xuất và tác nghiệp	3	Viện QTKD
		<i>Chọn 2 trong 4 học phần sau:</i>		
23	SQK.02.10	Nghệ thuật đàm phán và xử lý xung đột	2	Viện QTKD
24	SQK.02.11	Ra quyết định quản trị	2	Viện QTKD
25	SQK.02.15	Quản trị công nghệ trong môi trường phức hợp	2	Viện QTKD
26	SQK.02.12	Chính sách và quản trị công ty	2	Viện QTKD
IV		Thực tập và Đề án tốt nghiệp		
27	SQK.01	Thực tập	7	Viện QTKD
28	SQK.02	Đề án tốt nghiệp	8	Viện QTKD
		TỔNG SỐ TÍN CHỈ	60	

(Có đề cương chi tiết các học phần kèm theo)

7. KẾ HOẠCH HỌC TẬP DỰ KIẾN PHÂN THEO HỌC KỲ

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ		
				HK 1	HK 2	HK 3
I		KIẾN THỨC CHUNG (4 học phần)	10			
1	SCB.03.01	Triết học nâng cao	4	x		
2	STA.04.01	Tiếng Anh 1 chuyên ngành	2	x		
3	STA.04.02	Tiếng Anh 2 chuyên ngành	2	x		
4	SQK.02.01	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	2	x		

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ		
				HK 1	HK 2	HK 3
II		KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH (5 học phần)	10			
2.1		HỌC PHẦN BẮT BUỘC (4 Học phần)	8			
5	SCB.02.01	Kinh tế học quản lý	2	x		
6	SQK.01.01	Văn hóa và đạo đức kinh doanh	2		x	
7	SLKT.03.01	Pháp luật kinh tế nâng cao	2	x		
8	SKT.01.01	Nguyên lý kế toán nâng cao	2	x		
2.2		HỌC PHẦN TỰ CHỌN (1 học phần)	2			
		<i>Chọn 1 trong 4 học phần sau:</i>				
9	SQK.02.04	Quản trị thương hiệu nâng cao	2	x		
10	SQK.02.05	Hệ thống thông tin quản trị nâng cao	2	x		
11	SQK.02.13	Các lý thuyết quản trị hiện đại	2	x		
12	SQK.02.14	Quản trị hiệu quả	2	x		
III		KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH (10 học phần)	25			
3.1		HỌC PHẦN BẮT BUỘC (7 học phần)	18			
13	SQK.01.03	Quản trị Marketing nâng cao	2		x	
14	STN.01.02	Quản trị Ngân hàng thương mại nâng cao	3		x	
15	SQK.02.02	Quản trị chiến lược nâng cao	3		x	
16	SQK.02.06	Quản trị nguồn nhân lực nâng cao	3		x	
17	STN.02.03	Quản trị tài chính nâng cao	3		x	
18	SQK.02.08	Quản trị đổi mới và sáng tạo	2		x	
19	SQK.02.09	Xây dựng năng lực lãnh đạo quản trị	2		x	
3.2		HỌC PHẦN TỰ CHỌN (3 học phần)	7			
		<i>Chọn 1 trong 3 học phần sau:</i>				
20	SQK.02.03	Quản trị dự án đầu tư nâng cao	3			x
21	SQK.02.07	Quản trị doanh nghiệp thương mại	3			x
22	SQK.02.16	Quản trị sản xuất và tác nghiệp	3			x
		<i>Chọn 2 trong 4 học phần sau:</i>				
23	SQK.02.10	Nghệ thuật đàm phán và xử lý xung đột	2			x
24	SQK.02.11	Ra quyết định quản trị	2			x
25	SQK.02.15	Quản trị công nghệ trong môi trường phức hợp	2			x
26	SQK.02.12	Chính sách và quản trị công ty	2			x
IV		Thực tập và Đề án tốt nghiệp				
27	SQK.01	Thực tập	7			
28	SQK.02	Đề án tốt nghiệp	8			
		TỔNG SỐ TÍN CHỈ	60	18	20	22

8. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

8.1. Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp giảng dạy được lựa chọn gồm:

STT	Phương pháp dạy học	Mục đích
1	Phương pháp nghiên cứu trường hợp/tình huống (<i>Case study</i>)	Phát triển kỹ năng làm việc nhóm; phát triển tư duy phản biện; giúp người học trao đổi kinh nghiệm, kiến thức, học hỏi lẫn nhau
2	Dạy học theo dự án (<i>Project-based learning</i>)	Phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề phức hợp và năng lực đánh giá; phát triển kỹ năng ứng dụng công nghệ và khả năng sáng tạo; tạo môi trường hứng thú cho người học
3	Phương pháp phát vấn (<i>socratic method</i>)	Kích thích tính tư duy độc lập của người học; tạo môi trường học tập sôi nổi, sinh động và kích thích hứng thú học tập của người học; rèn năng lực biểu đạt của người học
4	Phương pháp thuyết trình tích cực (<i>active lecturing</i>)	Giúp người học tiếp cận nhanh chóng với các thông tin và kiến thức mới có tính phức tạp mà người học không thể lĩnh hội; người học có thể tiếp cận với những thông tin chưa được phổ biến.
5	Phương pháp giải quyết vấn đề (<i>Problem solving</i>)	Rèn luyện tư duy phản biện và sáng tạo của người học, phát triển khả năng tìm tòi và xem xét vấn đề từ nhiều góc độ khác nhau
6	Thuyết giảng (<i>Lecturing method</i>)	Cung cấp kiến thức cho người học
7	Tổ chức học tập theo nhóm (<i>Group-based learning</i>)	Tăng cường kỹ năng giao tiếp và kỹ năng làm việc nhóm
8	Seminar (<i>seminar</i>)	Kỹ năng phân tích, tìm kiếm tài liệu, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm; tự học, cập nhật kiến thức
9	Lớp học đảo ngược (<i>Flipped classroom</i>)	Phát triển kỹ năng tự học, kỹ năng thực hành
10	Hướng dẫn tự học	

8.2. Các Phương pháp, hình thức đánh giá kết quả học tập

Đánh giá quá trình	Hoạt động đánh giá	Phương pháp đánh giá
Nhằm đo lường việc đạt được sự tiến triển của người	1. Tham dự lớp (chuyên cần)	Quan sát
	2. Thảo luận	Quan sát

Đánh giá quá trình	Hoạt động đánh giá	Phương pháp đánh giá
học trên lộ trình đạt đến CĐR môn học	3.Làm việc nhóm	Quan sát
	4.Thuyết trình	Quan sát và Hỏi đáp
	5.Bài tập	
	6. Thực hành	Quan sát, đọc/ nghe báo cáo
	7.Kiểm tra giữa kỳ	Trắc nghiệm tự luận Trắc nghiệm khách quan Vấn đáp
Đánh giá cuối kỳ	Hoạt động đánh giá	Phương pháp đánh giá
Nhằm đo lường việc đạt được CĐR môn học	1.Thi cuối môn học	Trắc nghiệm tự luận Trắc nghiệm khách quan Vấn đáp
	2.Tiểu luận	Đọc bài viết
	3.Đồ án môn học	Đọc và nghe báo cáo
Nhằm đo lường việc đạt được CĐR của CTĐT	Đề án tốt nghiệp	Đọc và nghe báo cáo

9.CƠ SỞ VẬT CHẤT, CÔNG NGHỆ VÀ HỌC LIỆU PHỤC VỤ ĐÀO TẠO

9.1.Cơ sở vật chất, công nghệ

Sử dụng cơ sở vật chất, công nghệ (các giảng đường, phòng máy tính thực hành, internet) tại các cơ sở đào tạo của Nhà trường và cơ sở vật chất, kỹ thuật, công nghệ tại các đơn vị có hợp tác với Nhà trường.

9.2. Học liệu

Theo danh mục tài liệu giảng viên hướng dẫn quy định trong Đề cương chi tiết học phần và các tài liệu có liên quan tại Thư viện của Trường.

10. ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Học viên được công nhận tốt nghiệp khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, quy định trong Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/08/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành theo quyết định số 190/QĐ-ĐHTNH-SĐH ngày 15/10/2021 của Hiệu trưởng Trường ĐH Tài chính - Ngân hàng Hà Nội.

11. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Chương trình thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/08/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp ban hành theo Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành theo quyết định số 190/QĐ-ĐHTNH-SĐH ngày 15/10/2021 của Hiệu trưởng Trường ĐH Tài chính - Ngân hàng Hà Nội.

Chương trình này được định kỳ xem xét, hiệu chỉnh hai năm một lần nhằm đáp ứng sự phát triển của chuyên ngành, phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.



PGS, TS. Phạm Ngọc Ánh